

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 28

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Trần Văn Dư	Thành viên
Ông Phạm Văn Thư	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2014)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Phạm Văn Thư  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2014

Số: 325 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 28. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 26 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế để xác định khoản thuế thu nhập phải nộp bổ sung liên quan tới việc Công ty có thể không được miễn giảm thuế 50% áp dụng cho năm 2009. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu cần thiết để xác định tổng số tiền phải nộp bổ sung, do đó, không xác định được giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp cần thiết phải điều chỉnh vào báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Không đưa thêm kết luận ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 21 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty và Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam - vẫn chưa ký thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2014. Doanh thu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được ghi nhận theo đơn giá tạm tính và sẽ điều chỉnh lại khi Công ty ký thỏa thuận chính thức với Công ty Mua bán Điện.



**Phạm Hoài Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0042-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 27 tháng 8 năm 2014  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phan Ngọc Anh**  
**Kiểm toán viên**  
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1101-2013-001-1

290  
G T  
H H  
T T  
N A  
T P

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7.468.040.319.140</b>	<b>7.297.705.146.645</b>
(100=110+120+130+140+150)				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.318.529.955.477</b>	<b>1.185.659.130.762</b>
1. Tiền	111		26.584.179.774	7.359.130.762
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.291.945.775.703	1.178.300.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>3.336.851.965.073</b>	<b>3.753.051.965.073</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.336.851.965.073	3.753.051.965.073
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.112.934.135.784</b>	<b>1.413.056.564.169</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	2.111.232.024.848	1.410.412.054.960
2. Trả trước cho người bán	132		4.517.303.433	381.295.782
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	4.136.542.251
4. Các khoản phải thu khác	135		44.452.591	986.316.264
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.859.645.088)	(2.859.645.088)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>691.603.112.784</b>	<b>938.611.841.068</b>
1. Hàng tồn kho	141		866.290.964.177	1.114.519.480.403
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(174.687.851.393)	(175.907.639.335)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.121.150.022</b>	<b>7.325.645.573</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.188.068	58.998.682
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		6.395.174.450	6.664.749.902
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.719.787.504	601.896.989
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>4.059.923.827.890</b>	<b>4.598.176.719.167</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.257.349.882.917</b>	<b>1.871.155.948.593</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.179.717.571.991	1.521.600.532.815
- Nguyên giá	222		13.420.149.546.515	13.414.396.028.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.240.431.974.524)	(11.892.795.495.550)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	12.440.875.275	15.279.097.773
- Nguyên giá	228		57.787.131.156	57.787.131.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.346.255.881)	(42.508.033.383)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	65.191.435.651	334.276.318.005
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.797.244.187.451</b>	<b>2.720.590.118.800</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	1.364.299.339.301	1.287.511.270.650
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	1.555.288.160.491	1.555.288.160.491
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(122.343.312.341)	(122.209.312.341)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.329.757.522</b>	<b>6.430.651.774</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.329.757.522	6.430.651.774
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>11.527.964.147.030</b>	<b>11.895.881.865.812</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014		31/12/2013	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>6.449.072.183.357</b>		<b>6.460.257.568.927</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.393.200.105.904</b>		<b>1.456.077.196.391</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	388.913.239.262		370.680.030.132	
2. Phải trả người bán	312		222.460.672.067		276.827.885.182	
3. Người mua trả tiền trước	313		572.360.485		446.877.527	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	4.201.350.684		317.548.832.068	
5. Phải trả người lao động	315		72.896.894.267		105.860.526.231	
6. Chi phí phải trả	316	16	408.640.645.716		377.651.660.326	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	263.179.053.386		3.348.346.076	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		32.335.890.037		3.713.038.849	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.055.872.077.453</b>		<b>5.004.180.372.536</b>	
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	5.055.872.077.453		5.004.180.372.536	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>5.045.241.333.029</b>		<b>5.397.100.318.579</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>5.045.241.333.029</b>		<b>5.397.100.318.579</b>	
1. Vốn điều lệ	411	19	3.262.350.000.000		3.262.350.000.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	19	157.128.522.365		157.128.522.365	
3. Cổ phiếu quỹ	414	19	(125.602.728.849)		(125.602.728.849)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	19	367.455.968.956		272.781.996.456	
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	19	113.679.535.000		113.201.049.000	
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19	1.270.230.035.557		1.717.241.479.607	
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>33.650.630.644</b>		<b>38.523.978.306</b>	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>11.527.964.147.030</b>		<b>11.895.881.865.812</b>	

**CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2014	31/12/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý	107.261.329	107.261.329

*Nguyễn Quang Huy*

**Nguyễn Quang Huy**  
 Người lập biểu

Ngày 27 tháng 8 năm 2014

*Lê Thế Sơn*

**Lê Thế Sơn**  
 Kế toán trưởng



*Phạm Văn Thư*

**Phạm Văn Thư**  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
			đến ngày 30/6/2014	đến ngày 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	4.276.578.489.891	3.645.083.719.226
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		4.276.578.489.891	3.645.083.719.226
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	3.953.663.147.815	2.898.183.670.170
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		322.915.342.076	746.900.049.056
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	188.443.593.952	1.069.107.541.447
6. Chi phí tài chính	22	25	333.654.189.337	77.746.111.197
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		74.043.720.442	82.599.625.731
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		48.724.977.273	43.255.636.073
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		128.979.769.418	1.695.005.843.233
9. Thu nhập khác	31		17.897.888.518	1.309.187.596
10. Chi phí khác	32		1.012.165.429	1.262.802.807
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		16.885.723.089	46.384.789
12. Lãi/(Lỗ) trong công ty liên kết	45	26	35.513.262.001	(12.429.450.123)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		181.378.754.508	1.682.622.777.899
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	22.327.057.370	95.955.500.152
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	284.306.744.352
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		159.051.697.138	1.302.360.533.395
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.452.610.338	2.410.646.431
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	62		157.599.086.800	1.299.949.886.964
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	495	4.086

*(Signature)*

**Nguyễn Quang Huy**  
 Người lập biểu

Ngày 27 tháng 8 năm 2014

*(Signature)*  
**Lê Thế Sơn**  
 Kế toán trưởng



*(Signature)*  
**Phạm Văn Thư**  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>	<b>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	181.378.754.508	1.682.622.777.899
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	350.474.701.472	351.809.377.098
- Các khoản dự phòng	03	(1.085.787.942)	3.042.000.000
- Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	255.264.927.838	(787.073.049.977)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(223.545.506.471)	(248.623.284.885)
- Chi phí lãi vay	06	74.043.720.442	82.599.625.731
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	636.530.809.847	1.084.377.445.866
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(553.599.573.666)	(1.093.284.652.583)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	248.228.516.226	(28.333.700.903)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	162.370.415.678	369.462.174.105
- Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	1.153.704.866	2.369.037.267
- Tiền lãi vay đã trả	13	(74.564.517.033)	(79.870.443.075)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(327.253.364.495)	(201.318.552.206)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.863.506.564)	(14.178.348.747)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>80.002.484.859</b>	<b>39.222.959.724</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.045.103.571)	(276.679.399.873)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(614.000.000.000)	(610.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.019.000.000.000	1.521.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	88.616.260.618	170.576.922.954
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>492.571.157.047</b>	<b>805.497.523.081</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(185.340.013.791)	(223.616.755.769)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(254.362.803.400)	(317.938.142.350)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(439.702.817.191)</b>	<b>(541.554.898.119)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>132.870.824.715</b>	<b>303.165.584.686</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.185.659.130.762</b>	<b>1.006.797.429.788</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>1.318.529.955.477</b>	<b>1.309.963.014.474</b>

*Nguyễn Quang Huy*

**Nguyễn Quang Huy**  
 Người lập biểu

Ngày 27 tháng 8 năm 2014

*Lê Thế Sơn*

**Lê Thế Sơn**  
 Kế toán trưởng



**Phạm Văn Thư**  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam). Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu số 0800296853 ngày 10 tháng 5 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính đặt tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.374 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.382).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Hoạt động chính của công ty con là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương, sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay; cung ứng nhân lực và các dịch vụ đào tạo; vận hành, đầu tư các công trình điện và công nghiệp; xây lắp sửa chữa kỹ thuật công trình giao thông; thi công công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng; kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 3 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn khác.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong kỳ cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng kỳ.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2014</b>
	<b>đến ngày 30/6/2014</b>
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10 - 30
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm và giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và khoản mục “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo các quy định hiện hành về ưu đãi miễn giảm thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm thứ tư Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	28.565.894	129.248.803
Tiền gửi ngân hàng	26.555.613.880	7.229.881.959
Các khoản tương đương tiền (i)	1.291.945.775.703	1.178.300.000.000
	<b>1.318.529.955.477</b>	<b>1.185.659.130.762</b>

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.319.000.000.000	1.735.200.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (ii)	2.017.851.965.073	2.017.851.965.073
	<b>3.336.851.965.073</b>	<b>3.753.051.965.073</b>

(i) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ ba tháng đến một năm và được tính lãi theo lãi suất cố định.

(ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác bao gồm khoản ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFMC), và khoản tiền Tập đoàn Điện lực Việt Nam huy động vốn từ Công ty theo hợp đồng Ủy thác quản lý vốn số 01/2013 ngày 20 tháng 8 năm 2013 và số 02/2013 ngày 26 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, có thời hạn 1 năm kể từ ngày ký, lãi suất 9,125%/năm.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu tiền điện	1.917.519.126.675	1.297.849.812.925
Dự thu lãi tiền gửi, đầu tư tài chính	183.061.082.298	83.233.748.964
Phải thu khách hàng khác	10.651.815.875	29.328.493.071
	<b>2.111.232.024.848</b>	<b>1.410.412.054.960</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.859.645.088)	(2.859.645.088)
	<b>2.108.372.379.760</b>	<b>1.407.552.409.872</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	819.256.587.668	1.106.937.777.521
Công cụ, dụng cụ	5.890.318.548	6.832.236.974
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	39.993.151.500	23.180.882
Thành phẩm	1.150.906.461	726.285.026
	<b>866.290.964.177</b>	<b>1.114.519.480.403</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(174.687.851.393)	(175.907.639.335)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>691.603.112.784</b>	<b>938.611.841.068</b>

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.219.787.942 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã trích lập dự phòng với số tiền là 15.775.346.643 VND).

11/01/2014



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN/HN****8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	1.709.938.156.785	11.576.696.465.859	84.127.085.136	40.965.057.845	2.669.262.740	13.414.396.028.365
Tăng trong năm	1.584.094.050	4.105.824.100	-	63.600.000	-	5.753.518.150
Mua sắm mới	1.584.094.050	4.105.824.100	-	63.600.000	-	5.753.518.150
Tại ngày 30/6/2014	1.711.522.250.835	11.580.802.289.959	84.127.085.136	41.028.657.845	2.669.262.740	13.420.149.546.515
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	1.299.103.822.299	10.492.151.346.580	63.369.122.211	36.335.317.391	1.835.887.069	11.892.795.495.550
Tăng trong năm	23.561.616.651	320.691.998.514	2.165.566.631	1.040.222.190	177.074.988	347.636.478.974
Trích khấu hao	23.561.616.651	320.691.998.514	2.165.566.631	1.040.222.190	177.074.988	347.636.478.974
Tại ngày 30/6/2014	1.322.665.438.950	10.812.843.345.094	65.534.688.842	37.375.539.581	2.012.962.057	12.240.431.974.524
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2014	388.856.811.885	767.958.944.865	18.592.396.294	3.653.118.264	656.300.683	1.179.717.571.991
Tại ngày 31/12/2013	410.834.334.486	1.084.545.119.279	20.757.962.925	4.629.740.454	833.375.671	1.521.600.532.815

Nguyên giá của TSCĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 1.431 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2013: 1.424 tỷ VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị: VND</i>		
	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	57.414.901.632	372.229.524	57.787.131.156
Tại ngày 30/6/2014	57.414.901.632	372.229.524	57.787.131.156
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	42.135.803.859	372.229.524	42.508.033.383
Trích khấu hao	2.838.222.498	-	2.838.222.498
Tại ngày 30/6/2014	44.974.026.357	372.229.524	45.346.255.881
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2014	12.440.875.275	-	12.440.875.275
Tại ngày 31/12/2013	15.279.097.773	-	15.279.097.773

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	64.754.775.787	332.972.610.328
Xây dựng cơ bản khác	436.659.864	1.303.707.677
	<u>65.191.435.651</u>	<u>334.276.318.005</u>

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Hải Dương	50	60	Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá gốc khoản đầu tư	1.451.055.770.150	1.423.455.770.150
Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(86.756.430.849)	(135.944.499.500)
	<u>1.364.299.339.301</u>	<u>1.287.511.270.650</u>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	25,97	25,97	Sản xuất điện

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng tài sản	21.677.215.306.870	20.806.303.354.391
Tổng công nợ	16.583.384.583.379	16.080.339.173.017
Tài sản thuần	5.093.830.723.491	4.725.964.181.374
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<b><u>1.322.867.838.891</u></b>	<b><u>1.204.648.269.832</u></b>

**Lợi thế thương mại phát sinh từ mua công ty liên kết:**

	<u>VND</u>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>82.863.000.817</b>
Phân bổ trong kỳ	41.431.500.408
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b><u>41.431.500.409</u></b>

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay (i)	350.000.000.000	350.000.000.000
Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	118.151.962.500	118.151.962.500
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iii)	817.295.117.400	817.295.117.400
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iii)	70.800.000.000	70.800.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (iii)	100.000.000.000	100.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (iii)	50.250.000.000	50.250.000.000
Đầu tư chứng khoán khác (iv)	46.498.000.000	46.498.000.000
Đầu tư khác	2.293.080.591	2.293.080.591
	<b><u>1.555.288.160.491</u></b>	<b><u>1.555.288.160.491</u></b>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(122.343.312.341)	(122.209.312.341)
	<b><u>1.432.944.848.150</u></b>	<b><u>1.433.078.848.150</u></b>

- (i) **Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay:** Công ty cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.
- (ii) **Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:** Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 5 năm 2016.
- (iii) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10% và 19,30%. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn góp vốn.
- (iv) **Đầu tư chứng khoán khác:** là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá thận trọng các khoản đầu tư dài hạn này và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá, ngoại trừ khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã được trích lập dự phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	388.913.239.262	370.680.030.132
	<b>388.913.239.262</b>	<b>370.680.030.132</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	615.579.518	9.816.003.236
Thuế thu nhập doanh nghiệp	543.855.436	305.470.162.561
Thuế thu nhập cá nhân	-	200.671.800
Các loại thuế khác	3.041.915.730	2.061.994.471
	<b>4.201.350.684</b>	<b>317.548.832.068</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	41.000.000.000	41.520.796.591
Sửa chữa lớn chưa quyết toán	360.717.074.666	332.972.610.328
Các khoản khác	6.923.571.050	3.158.253.407
	<b>408.640.645.716</b>	<b>377.651.660.326</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đang trích trước chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch được xây dựng trong phương án giá điện của năm 2014 với số tiền khoảng 317 tỷ VND.

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	223.819.472.701	950.355.101
Mua cổ phiếu	27.600.000.000	-
Các khoản phải trả khác	11.759.580.685	2.397.990.975
	<b>263.179.053.386</b>	<b>3.348.346.076</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/06/2014		31/12/2013	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	25.994.391.837	5.444.785.316.715	26.922.762.974	5.374.860.402.668
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.856.742.274)	(388.913.239.262)	(1.856.742.274)	(370.680.030.132)
<b>Số dư vay dài hạn</b>	<b>24.137.649.563</b>	<b>5.055.872.077.453</b>	<b>25.066.020.700</b>	<b>5.004.180.372.536</b>

Khoản vay trên được thực hiện bằng Yên Nhật Bản (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 3 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 3 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43%/năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

*Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:*

	30/6/2014		31/12/2013	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Trong vòng một năm	1.856.742.274	388.913.239.262	1.856.742.274	370.680.030.132
Trong năm thứ hai	1.856.742.274	388.913.239.262	1.856.742.274	370.680.030.132
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.570.226.822	1.166.739.717.786	5.570.226.822	1.112.040.090.396
Sau năm năm	16.710.680.467	3.500.219.120.405	17.639.051.604	3.521.460.252.008
	<b>25.994.391.837</b>	<b>5.444.785.316.715</b>	<b>26.922.762.974</b>	<b>5.374.860.402.668</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.856.742.274)	(388.913.239.262)	(1.856.742.274)	(370.680.030.132)
<b>Số phải trả dài hạn</b>	<b>24.137.649.563</b>	<b>5.055.872.077.453</b>	<b>25.066.020.700</b>	<b>5.004.180.372.536</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÁ LẠI**

Phường Phá Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>155.099.300.459</b>	<b>(125.602.728.849)</b>	<b>263.971.237.362</b>	<b>82.781.058.500</b>	<b>517.472.404.565</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.629.530.689.782
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(318.154.614.000)
Phân phối các quỹ trong năm	-	-	-	10.839.981.000	30.419.990.500	(64.627.273.041)
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	(46.979.727.699)
Tăng/(Giảm) khác	-	2.029.221.906	-	(2.029.221.906)	-	-
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>157.128.522.365</b>	<b>(125.602.728.849)</b>	<b>272.781.996.456</b>	<b>113.201.049.000</b>	<b>1.717.241.479.607</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	157.599.086.800
Chia cổ tức trong kỳ (i)	-	-	-	-	-	(480.981.921.000)
Phân phối các quỹ trong kỳ (i)	-	-	-	94.673.972.500	478.486.000	(141.104.385.700)
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	17.475.775.850
<b>Số dư tại ngày 30/6/2014</b>	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>157.128.522.365</b>	<b>(125.602.728.849)</b>	<b>367.455.968.956</b>	<b>113.679.535.000</b>	<b>1.270.230.035.557</b>

(i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 ngày 30 tháng 6 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2013 như sau:

- Chia cổ tức cho cổ đông: 477.231.921.000 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 39.254.000.000 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 93.717.000.000 VND;
- Trích quỹ thưởng viên chức: 321.000.000 VND.

Các biến động khác là biến động của Công ty con và Công ty liên kết.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu phổ thông	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu phổ thông	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu ngày 10 tháng 5 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ.

**20. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Công ty có trụ sở chính và hoạt động tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Theo đó, toàn bộ Công ty được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND</b>	<b>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND</b>
<b>Hoạt động sản xuất điện</b>	<b>4.256.194.130.095</b>	<b>3.616.971.217.297</b>
Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	4.255.180.790.462	3.615.609.251.600
Điện tự dùng	1.013.339.633	1.361.965.697
<b>Hoạt động khác</b>	<b>20.384.359.796</b>	<b>28.112.501.929</b>
Doanh thu hoạt động khác	20.384.359.796	28.112.501.929
	<b>4.276.578.489.891</b>	<b>3.645.083.719.226</b>

- (i) Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa ký được phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá bán điện với Công ty Mua bán Điện cho năm 2014. Doanh thu cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2014 được ghi nhận theo đơn giá tạm tính và sẽ điều chỉnh lại khi có thỏa thuận chính thức với Công ty Mua bán Điện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
<b>Hoạt động sản xuất điện</b>	<b>3.951.507.091.085</b>	<b>2.889.289.597.186</b>
Chi phí than, dầu	3.086.818.012.335	2.134.951.051.508
Chi phí khấu hao	339.172.410.035	341.090.397.584
Chi phí sửa chữa lớn	316.698.748.274	250.003.827.246
Chi phí lương và bảo hiểm xã hội	97.924.767.354	92.616.905.028
Chi phí phụ liệu	10.267.772.470	3.274.690.637
Chi phí khác	100.625.380.617	67.352.725.183
<b>Hoạt động khác</b>	<b>2.156.056.730</b>	<b>8.894.072.984</b>
	<b>3.953.663.147.815</b>	<b>2.898.183.670.170</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.075.049.480.295	2.085.580.275.950
Chi phí nhân công	179.201.795.261	169.860.766.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	350.224.967.516	351.809.377.098
Chi phí sửa chữa lớn	316.698.748.274	250.003.827.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.590.177.028	5.498.696.457
Chi phí khác	116.582.927.332	78.686.362.605
	<b>4.042.348.095.706</b>	<b>2.941.439.306.243</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	164.160.375.617	196.027.908.010
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	24.283.218.335	28.361.722.223
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	20.851.215.737
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại	-	787.073.049.977
Cổ tức được nhận	-	36.793.645.500
	<b>188.443.593.952</b>	<b>1.069.107.541.447</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	74.043.720.442	82.599.625.731
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.080.050.325	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	255.264.927.838	-
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	134.000.000	(4.958.000.000)
Chi phí tài chính khác	131.490.732	104.485.466
	<b>333.654.189.337</b>	<b>77.746.111.197</b>

**26. LÃI/(LỖ) TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	(41.431.500.408)	(12.429.450.123)
Lợi nhuận từ khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	76.944.762.409	-
	<b>35.513.262.001</b>	<b>(12.429.450.123)</b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>70.774.099.029</b>	<b>872.226.747.408</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập từ hoạt động chính	(46.598.314.374)	697.721.066.856
Thu nhập từ hoạt động khác	117.372.413.403	174.505.680.552
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	7,5%	7,5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.327.057.370	95.955.500.152
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	284.306.744.352
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>22.327.057.370</b>	<b>380.262.244.504</b>

Tại ngày báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế để xác định khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung liên quan tới việc Công ty có thể không được miễn giảm thuế 50% cho năm 2009 - áp dụng cho các đơn vị niêm yết lần đầu giai đoạn từ năm 2004 -2006. Theo hướng dẫn tại Công văn số 2924/TCT-PC của Tổng Cục thuế ngày 19 tháng 8 năm 2011, Công ty có thể sẽ không được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế TNDN cho năm 2009. Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh từ sự kiện trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>	<b>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</b>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	157.599.086.800	1.299.949.886.964
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	318.154.614	318.154.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	495	4.086

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>30/6/2014 VND</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
Các khoản vay	5.444.785.316.715	5.374.860.402.668
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.318.529.955.477	1.185.659.130.762
Nợ thuần	4.126.255.361.238	4.189.201.271.906
Vốn chủ sở hữu	5.045.241.333.029	5.397.100.318.579
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,82</b>	<b>0,78</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/6/2014 VND</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.318.529.955.477	1.185.659.130.762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.108.416.832.351	1.408.538.726.136
Đầu tư ngắn hạn	3.336.851.965.073	3.753.051.965.073
Đầu tư dài hạn khác	1.432.944.848.150	1.433.078.848.150
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.196.743.601.051</b>	<b>7.780.328.670.121</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	5.444.785.316.715	5.374.860.402.668
Phải trả người bán và phải trả khác	485.639.725.453	280.176.231.258
Chi phí phải trả	343.449.210.065	43.375.342.321
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.273.874.252.233</b>	<b>5.698.411.976.247</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Công nợ</b>		<b>Tài sản</b>	
	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Yên Nhật Bản (JPY)	5.444.785.316.715	5.374.860.402.668	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Công ty thực hiện phân tích độ nhạy đối với đồng Yên Nhật Bản trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng tiền này. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nếu Yên Nhật Bản tăng/giảm 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ giảm/tăng một khoản là 544.478.531.672 VND (năm 2013: 537.486.040.267 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 30.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>30/6/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.318.529.955.477	-	-	1.318.529.955.477
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.108.416.832.351	-	-	2.108.416.832.351
Đầu tư ngắn hạn	3.336.851.965.073	-	-	3.336.851.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.000.000	1.386.446.848.150	1.432.944.848.150
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.763.798.752.901</b>	<b>46.498.000.000</b>	<b>1.386.446.848.150</b>	<b>8.196.743.601.051</b>
<b>30/6/2014</b>				
Các khoản vay	388.913.239.262	1.555.652.957.048	3.500.219.120.405	5.444.785.316.715
Phải trả người bán và phải trả khác	485.639.725.453	-	-	485.639.725.453
Chi phí phải trả	343.449.210.065	-	-	343.449.210.065
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.218.002.174.780</b>	<b>1.555.652.957.048</b>	<b>3.500.219.120.405</b>	<b>6.273.874.252.233</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>5.545.796.578.121</b>	<b>(1.509.154.957.048)</b>	<b>(2.113.772.272.255)</b>	<b>1.922.869.348.818</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.185.659.130.762	-	-	1.185.659.130.762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.408.538.726.136	-	-	1.408.538.726.136
Đầu tư ngắn hạn	3.753.051.965.073	-	-	3.753.051.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.000.000	1.386.580.848.150	1.433.078.848.150
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.347.249.821.971</b>	<b>46.498.000.000</b>	<b>1.386.580.848.150</b>	<b>7.780.328.670.121</b>
<b>31/12/2013</b>				
Các khoản vay	370.680.030.132	1.482.720.120.528	3.521.460.252.008	5.374.860.402.668
Phải trả người bán và phải trả khác	280.176.231.258	-	-	280.176.231.258
Chi phí phải trả	43.375.342.321	-	-	43.375.342.321
<b>Tổng cộng</b>	<b>694.231.603.711</b>	<b>1.482.720.120.528</b>	<b>3.521.460.252.008</b>	<b>5.698.411.976.247</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>5.653.018.218.260</b>	<b>(1.436.222.120.528)</b>	<b>(2.134.879.403.858)</b>	<b>2.081.916.693.874</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh mục các bên liên quan có giao dịch và số dư trong kỳ:***

<b>Bên liên quan</b>	<b>Quan hệ</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chủ sở hữu của Công ty mẹ
Công ty Mua bán điện	Trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty liên kết

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
<b>Doanh thu</b>		
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	4.255.180.790.462	3.615.609.251.600
<b>Trả gốc vay và lãi vay</b>		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	189.406.279.371	223.616.755.769
Bù trừ gốc vay và khoản phải thu với Tập đoàn Điện lực Việt Nam	189.406.279.371	223.616.755.769
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	74.043.720.442	82.599.625.731
<b>Lãi đầu tư, cho vay</b>		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	18.793.833.333	142.286.111.111
<b>Cổ tức được chia</b>		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	-	36.793.645.500
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>		
Lương, thu nhập Ban Giám đốc	1.227.601.000	1.060.825.644

*Số dư với các bên liên quan:*

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.444.785.316.715	5.374.860.402.668
Phải thu Công ty Mua bán điện	1.917.519.126.675	1.297.849.812.925
Phải thu khác Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	83.233.748.964
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải phòng	1.423.455.770.150	1.423.455.770.150
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	817.295.117.400
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000

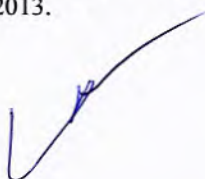
**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.



**Nguyễn Quang Huy**  
 Người lập biểu

Ngày 27 tháng 8 năm 2014



**Lê Thế Sơn**  
 Kế toán trưởng



**Phạm Văn Thư**  
 Tổng Giám đốc